



ĐIỀU LỆ QUỸ

QUỸ ETF PHFM VNSHINE

Tháng / 2026

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	2
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	8
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	8
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	8
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	8
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán.....	8
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ	10
Điều 6. Công ty quản lý quỹ.....	10
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	10
CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	11
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ.....	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	14
CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	15
Điều 13. Nhà đầu tư.....	15
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư.....	15
Điều 15. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi Quỹ ETF	17
Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư.....	17
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF.....	18
Điều 18. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lỗ chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)	19
Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (Giao dịch thứ cấp).....	25
Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại.....	25
Điều 21. Chuyển nhượng phi thương mại	26
Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	26
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	27
Điều 23. Đại hội nhà đầu tư.....	27
Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường.....	28
Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư.....	28
Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư	30
Điều 27. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư	30
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	31
Điều 28. Ban đại diện quỹ	31
Điều 29. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ.....	32

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ.....	32
Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện quỹ.....	33
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ.....	33
Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện quỹ.....	34
Điều 34. Biên bản họp Ban đại diện quỹ.....	35
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	35
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ.....	35
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ.....	36
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ.....	40
Điều 38. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ.....	41
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	43
Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát.....	43
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát.....	43
Điều 41. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.....	44
Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát.....	46
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	46
Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền.....	46
Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	46
Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	47
Điều 46. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	48
Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	49
CHƯƠNG IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....	49
Điều 48. Điều kiện lựa chọn thành viên lập quỹ.....	49
Điều 49. Quyền và trách nhiệm của thành viên lập quỹ.....	49
Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường.....	51
CHƯƠNG X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	51
Điều 51. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ.....	51
Điều 52. Hoạt động của đại lý phân phối.....	52
Điều 53. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	52
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	54
Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán.....	54
Điều 55. Năm tài chính.....	55
Điều 56. Chế độ kế toán.....	55
Điều 57. Báo cáo tài chính.....	55
Điều 58. Báo cáo khác.....	55
CHƯƠNG XII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	55
Điều 59. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.....	55
Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	57
Điều 61. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.....	57

CHƯƠNG XIII. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	65
Điều 62. Thu nhập của Quỹ	65
Điều 63. Phân chia lợi nhuận của Quỹ	65
Điều 64. Các giá dịch vụ, phí do Quỹ trả	66
Điều 65. Chi phí hoạt động của Quỹ	69
CHƯƠNG XIV. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	70
Điều 66. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ.....	70
Điều 67. Giải thể Quỹ.....	71
CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	73
Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích.....	73
CHƯƠNG XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	73
Điều 69. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....	73
Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	74
Điều 71. Đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành.....	74
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	75
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	77
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	78

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 09 năm 2025;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 04 năm 2025 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ hoán đổi danh mục”/“Quỹ ETF”/“Quỹ”	là Quỹ ETF PHFM VNSHINE, một quỹ hoán đổi danh mục, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Công ty quản lý quỹ”	nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (gọi tắt là PHFM) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102594384 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2007 (được thay đổi tại từng thời điểm) với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ PHFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ ETF PHFM VNSHINE, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.
“Bản cáo bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán, phát hành, niêm yết và giao dịch chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Chỉ số tham chiếu VNSHINE”/“Chỉ số tham chiếu”	là Chỉ số cổ phiếu tăng cường lợi ích cổ đông Việt Nam “Vietnam Shareholder Interest Enhanced Index” (gọi tắt là “VNSHINE”) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.
“Chứng chỉ quỹ”/“Chứng chỉ quỹ ETF”	là một loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
“Lô chứng chỉ quỹ ETF”/“Lô ETF”	là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Một lô chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.
“Chứng khoán cơ cấu”	là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của quỹ ETF.
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được công

	ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ.
“Ngày định giá”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”/“NAV”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
“Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF”	bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ.
“Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ”	bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF”/“iNAV”	là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF+ được xác định trong phiên giao dịch.
“Giá trị giao dịch”	Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi.
“Giao dịch hoán đổi”	là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Giao dịch hoán đổi được thực hiện giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
“Lệnh giao dịch hoán đổi”	bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ và/hoặc nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ quỹ ETF và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ và/hoặc nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ PHFM, thay mặt Quỹ ETF PHFM VNSHINE, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ quỹ ETF từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện vào ngày

	<p>giao dịch hoán đổi tương ứng. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định cụ thể tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
<p>“Giá phát hành lần đầu”</p>	<p>là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng.</p> <p>Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ quỹ.</p>
<p>“Giá giao dịch hoán đổi”</p>	<p>là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại trong giao dịch hoán đổi.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là Giá phát hành) là mức giá mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một lô chứng chỉ quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là Giá mua lại) là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại một lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều lệ quỹ.</p>
<p>“Giá dịch vụ phát hành”</p>	<p>là mức giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.</p>
<p>“Giá dịch vụ mua lại”</p>	<p>là mức giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.</p>
<p>“Giá dịch vụ quản lý quỹ”</p>	<p>là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ.</p>

<p>“Ngân hàng giám sát”</p>	<p>nghĩa là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) báo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 40 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p>
<p>“Công ty kiểm toán”</p>	<p>là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE, nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.</p>
<p>“Thành viên lập quỹ”</p>	<p>là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.</p>
<p>“Nhà đầu tư”</p>	<p>là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.</p>
<p>“Đại hội nhà đầu tư”</p>	<p>là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.</p>
<p>“Ban đại diện quỹ”</p>	<p>là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.</p>
<p>“Vốn điều lệ”</p>	<p>là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ quỹ.</p>
<p>“VSDC”</p>	<p>là Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>
<p>“UBCKNN”</p>	<p>là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>

“HOSE”	là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Người có liên quan”	theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.
“Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”	là ngân hàng giám sát, VSDC được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
“Dịch vụ quản trị quỹ”	là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; • Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; • Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; • Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng đã ký với công ty quản lý quỹ.
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> • Lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; • Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; • Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; • Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
“Điều lệ quỹ”	bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Hợp đồng giám sát”	là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
“Sổ đăng ký nhà đầu tư”	là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư và tình trạng sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư.
“Lợi tức quỹ”	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF PHFM VNSHINE sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Ngày làm việc”	là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Các định nghĩa khác	các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: QUỸ ETF PHFM VNSHINE

Tên đầy đủ tiếng Anh: PHFM VNSHINE ETF

Tên viết tắt: PHFM VNSHINE

Địa chỉ liên hệ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ và không giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ ETF PHFM VNSHINE là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ và Chứng chỉ quỹ được niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF PHFM VNSHINE có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
3. Tài sản của Quỹ được lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng giám sát.
4. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội nhà đầu tư.
5. Ban đại diện quỹ sẽ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
6. Công ty quản lý quỹ do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán

1. Vốn điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành tối thiểu 50 (năm mươi) lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 VND (mười ngàn Đồng Việt Nam).
2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ, mỗi thành viên lập quỹ đăng ký mua các lô chứng chỉ quỹ theo thỏa thuận giữa thành viên lập quỹ và công ty quản lý quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) lô chứng chỉ quỹ.
3. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ do Quỹ

phát hành. Việc góp vốn bằng tiền chỉ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này. Cơ chế, hình thức thanh toán, nguyên tắc xác định số lượng chứng chỉ quỹ phân phối cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trên cơ sở vốn góp bằng danh mục chứng khoán cơ cấu, thủ tục, điều kiện bổ sung bằng tiền được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ.
 - b) Các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chế chuyên nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; hoặc các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ.
 - c) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ là nhà đầu tư nước ngoài không thể mua chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch để góp vốn.
 - d) Chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.

Quy trình, cách thức thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

5. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
6. Toàn bộ danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này sẽ được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán.
8. Quỹ không bị giới hạn về số lượng tối đa chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ được phép lưu hành.
9. Việc thay đổi số lượng chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ

1. Quỹ chỉ định Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ quỹ.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ	: Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng
Giấy phép thành lập và hoạt động số	: 24/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/12/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính	: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 028 5413 7991

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát	: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số	: 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số	: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 028 3821 8812

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF PHFM VNSHINE là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ ETF PHFM VNSHINE sử dụng chiến lược tối ưu hóa để đạt được các mục tiêu đầu tư đã đề ra. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hóa, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tính giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm các chứng khoán trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán, chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

4. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và đảm bảo:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d và e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
 - d) Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ ETF PHFM VNSHINE;
 - e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - f) Không được đầu tư vào bất động sản;
 - g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu;
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
 - e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
 - f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
4. Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, e và f khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.
 5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
 6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.
 7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
 - d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được vượt quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu VNINDEX theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số tham chiếu mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu. Quỹ ETF PHFM VNINDEX có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ thị trường tiền tệ: Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ sẽ tiến hành lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt và có mức độ tín nhiệm cao.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu và công cụ nợ: Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ có tính thanh khoản và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.
4. Phương pháp lựa chọn đối với các công cụ đầu tư khác: Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.
5. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi của Quỹ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu);
- b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài sở hữu ít nhất một (01) chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu.
2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như các nhà đầu tư khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp.
 - b) Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này.
 - c) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ quỹ thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - d) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số chứng chỉ quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).

- e) Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
 - f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau.
 - g) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.
 - h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ.
 - i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
 - j) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
 - k) Tuân thủ Điều lệ này, chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
 - l) Thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ, tiền mua chứng chỉ quỹ như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.
 - m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - (ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
 - c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi Quỹ ETF

1. Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp nhà đầu tư bổ sung bằng tiền theo quy định và/hoặc thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư.
2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.
3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục thông qua thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư
2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ (nếu có);
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ đã bán, tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Danh sách nhà đầu tư, thành viên lập quỹ: họ tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của VSDC về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF; mã số giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
 - d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại VSDC. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSDC. Số lượng các lô chứng chỉ quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSDC tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSDC theo hướng dẫn của VSDC.
 4. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.
 5. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và công ty quản lý quỹ.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

1. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - a) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi danh mục chỉ số tham chiếu;
 - b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm dừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do

Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

- c) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - d) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi do nguyên nhân bất khả kháng;
 - e) Các trường hợp khác UBCKNN xét thấy là cần thiết.
2. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 3. Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ quỹ không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.
 4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
 5. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 18. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Áp dụng cho Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và cho thành viên lập quỹ;
 - b) Giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.
 - c) Tần suất giao dịch hoán đổi và thời điểm đóng sổ lệnh:
 - (i) Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào ngày làm việc (“Ngày giao dịch hoán đổi”). Trong trường hợp Ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán.
 - (ii) Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch hoán đổi và/hoặc ngày giao dịch hoán đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội nhà đầu tư thông qua

phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

- (iii) Thời điểm đóng sổ lệnh: 14h40 của Ngày giao dịch hoán đổi (Ngày T).
- d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ, nhưng phải đảm bảo một lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ mới sẽ được thực hiện sau ít nhất 15 ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ và các đại lý phân phối.
- e) Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện quy định sau:
- (i) Chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của công ty quản lý quỹ;
 - (ii) Chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng;
 - (iii) Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ:
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của thành viên lập quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư:
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.
- f) Thành viên lập quỹ chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được thành viên lập quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh.
- g) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- (i) Được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình chi tiết được quy định trong Bản cáo bạch.
 - (ii) Được VSDC xác nhận về việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ, ngân hàng giám sát xác nhận số tiền nhà đầu tư, thành viên lập quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không được thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
- h) Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ và ngược lại được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và Quỹ ETF tại VSDC. Việc chuyển khoản danh mục chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, phù hợp với hướng dẫn của VSDC và ngân hàng giám sát.
- i) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:
- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Sơ giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ quỹ. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.
 - b) Đặt lệnh giao dịch hoán đổi:
 - (i) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển trực tiếp tới thành viên lập quỹ hoặc thông qua đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư do thành viên lập quỹ, đại lý phân phối bị giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng thì lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển thẳng đến công ty quản lý quỹ.
 - (ii) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng hoặc VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của VSDC.

- c) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.
 - d) Sau khi tiếp nhận lệnh của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, thông qua VSDC, ngân hàng giám sát, khả năng thực hiện được lệnh của nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSDC.
 - e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, VSDC, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ vào tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này; công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.
3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:
- a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của Quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các khoản cổ tức, trái tức và các quyền phát sinh (cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm,...) của chứng khoán cơ cấu mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi; các khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch

cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định của pháp luật. Phương thức, thủ tục thanh toán bổ sung bằng tiền được quy định tại Bản cáo bạch.

- b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền sở hữu cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, hoặc dẫn tới việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó thì VSDC có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:
- a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này.
- b) Trường hợp chuyển hoàn danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư này.

Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại điểm a, b khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.

Trong thời gian công ty quản lý quỹ thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu nêu trên, nếu có phát sinh cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của các chứng khoán này, công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Đối với cổ tức bằng tiền: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được Quỹ thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.
- (ii) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sau khi nhận được cổ phiếu và hoàn tất việc bán các cổ phiếu này.
- (iii) Đối với quyền mua: công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán quyền mua trước thời hạn thực hiện quyền. Trường hợp không bán được quyền mua thì công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán cơ cấu có phát sinh quyền mua để thực hiện quyền với điều kiện tại ngày giao dịch đầu tiên trong thời gian đăng ký mua và nộp tiền theo thông báo của tổ chức phát hành mã chứng khoán phát sinh quyền, chứng khoán có giao dịch đồng thời giá đóng cửa lớn hơn giá thực hiện quyền; sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Trường hợp thành viên lập quỹ/nhà đầu tư gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay số lượng chứng khoán cơ cấu thực bán. Phần quyền mua đã được thành viên lập quỹ/nhà đầu tư từ chối thực hiện sẽ thuộc về Quỹ và do Quỹ quyết định.
- (iv) Những khoản thanh toán liên quan tới cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận được tiền cổ tức hoặc tiền do thực hiện việc bán thành công các quyền mua, cổ phiếu thưởng, cổ phiếu thực hiện quyền này.

Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán. Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

- c) Trường hợp thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu theo quy định pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt mức hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu

về các hạn mức theo quy định của pháp luật, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (Giao dịch thứ cấp)

1. Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:
 - a) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC;
 - b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Chứng chỉ quỹ ETF có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ quỹ ETF (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (có đủ chứng khoán cơ cấu) để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (lô chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ quỹ.
2. Giá giao dịch hoán đổi là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại trong giao dịch hoán đổi, trong đó:
 - a) Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là Giá phát hành) là mức giá mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ.
 - b) Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là Giá mua lại) là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại một lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Giá mua lại bằng giá trị tài sản

ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Giá dịch vụ phát hành được áp dụng khi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại được áp dụng khi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch.
4. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với thành viên lập quỹ được quy định cụ thể tại hợp đồng tham gia lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh các mức giá dịch vụ được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và các thành viên lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch).
5. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và phải đảm bảo không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 1% giá trị giao dịch). Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như tặng cho, thừa kế...) chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy chế của VSDC.
2. Việc tặng cho, thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, nhà đầu tư có thể thực hiện bán lại chứng chỉ quỹ hoặc yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
 - b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
 - d) Quyết định các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định và tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ;
 - e) Phương án phân phối lợi tức;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - g) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - h) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.
5. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý

kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, cụ thể như sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

4. Tất cả cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của công ty quản lý quỹ.
5. Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản như sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ phải chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến nhà đầu tư, bao gồm: phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Tài liệu lấy ý kiến nhà đầu tư phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng nhà đầu tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.
 - b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập công ty quản lý quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân là đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức;
 - (iv) Số lượng chứng chỉ quỹ và số phiếu biểu quyết của nhà đầu tư;
 - (v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vii) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về công ty quản lý quỹ;
 - (viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ; và
 - (ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của nhà đầu tư cá nhân, của cá nhân đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là tổ chức kèm theo con dấu.
 - c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của nhà đầu tư), bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
 - d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
 - (ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập công ty quản lý quỹ;

- (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (iv) Số nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
 - (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (vi) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (vii) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ và người kiểm phiếu.
- e) Những người tham gia kiểm phiếu, Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.
 - f) Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.
 - g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu khác của cuộc họp đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ.
 - h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.

Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 21 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
3. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
4. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 27. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ

mua lại chứng chỉ quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại.

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 28. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu bằng hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này). Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên; ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan.
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:

- a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo cho UBCKNN, gửi danh sách Ban đại diện quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ.
 5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 29. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
 - b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Điều lệ này;
 - c) Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán);

- d) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
 - e) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
 - f) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;
 - g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
 - b) Thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ;
 - c) Thành viên Ban đại diện quỹ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận,

Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - c) Bị cấm đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định pháp luật hoặc theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.
4. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Ban đại diện quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp này, Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ quỹ;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Thành viên Ban đại diện quỹ sẽ được bổ sung trong các trường hợp sau:
- a) Khi việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ dẫn đến thành viên Ban đại diện quỹ không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định của Điều lệ này;
 - b) Khi Quỹ có nhu cầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ.

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.

3. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ba (03) ngày làm việc.
5. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập dự họp thông qua. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
6. Trường hợp lấy ý kiến Ban đại diện quỹ dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập của Quỹ thông qua. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

Điều 34. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- a) Lựa chọn ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều lệ này, ký kết hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát;
- b) Được ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, VSDC thực hiện một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm hoạt động ủy quyền cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng thành viên lập quỹ với thành viên lập quỹ, hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với các đại lý phân phối, hợp đồng với tổ chức tạo lập thị trường (nếu có);
- f) Được hưởng các khoản phí, giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được tham gia (nhưng không có quyền biểu quyết) tại các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
- h) Soạn thảo, phê duyệt, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung được quy định trong Bản cáo bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội nhà đầu tư và/hoặc Ban đại diện quỹ);
- i) Quyết định mức giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển nhượng chứng chỉ quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- j) Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu quy định tại Điều lệ này hoặc quy định liên quan của pháp luật;
- k) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật;
- l) Các quyền khác của công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
- b) Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;

- c) Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại hội nhà đầu tư thông qua và theo quy định của Điều lệ quỹ và của pháp luật;
- d) Công ty quản lý quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng cho các quỹ. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán phải sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ;

e) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- (i) Ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát.

Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ; lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp bản sao các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng giám sát.

Trường hợp đầu tư vào các tài sản, chứng khoán chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch cho Quỹ, công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ cho các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư.

- (ii) Quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác và tài sản của các quỹ khác do công ty quản lý quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- (iii) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
- (iv) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Điều lệ này và của pháp luật;

- (v) Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành Quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quỹ có đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- f) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác.
- g) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:
- (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong một năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;
 - (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;
 - (iii) Quy định tại điểm này không áp dụng cho Quỹ trong 06 (sáu) tháng hoạt động đầu tiên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
- h) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- (i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ;
 - (ii) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác Sổ đăng ký nhà đầu tư;
 - (iii) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này phải tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.
- i) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) cho ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với ngân hàng giám sát.

- j) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ thì công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- k) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, nhà đầu tư của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- l) Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ nếu xét là cần thiết hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều này.
- m) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
- n) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
- (i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng.
- (ii) Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- (iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua công ty quản lý quỹ phải thông báo tới UBCKNN. Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu

cầu công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

- o) Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện.
- p) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch chứng chỉ quỹ và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- q) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
 - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
 - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- r) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch điện tử.
- s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ

- 1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
 - e) Quỹ hết thời gian hoạt động;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.
3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi UBCKNN biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và ngân hàng giám sát xác nhận.
6. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản này.
7. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Trong trường hợp đó, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế công ty quản lý quỹ
3,0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Giá trị tài sản ròng được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho công ty quản lý quỹ là giá trị tài sản ròng bình quân của Quỹ trong 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ.

Điều 38. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không

được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại ngân hàng này và ngược lại.

2. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ như một nhà đầu tư thông thường theo các quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
3. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản của Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ. Văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ.
6. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức

tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định pháp luật;

- e) Chỉ sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.
7. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.
8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Ngân hàng giám sát, thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
4. Ngân hàng giám sát, thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ.
5. Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm; và
6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;

- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ hàng ngày phù hợp với các quy định pháp luật và điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của quỹ với công ty quản lý quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
- c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát.

Điều 41. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

- 1. Phạm vi giám sát chi hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:
 - a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm

tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

- b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;
 - e) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn luật chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;
 - f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
 4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.
 5. Trường hợp công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư, ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức

độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;
 - d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư của quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty quản lý quỹ được thuê tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều lệ này và quy định liên quan của Pháp luật.
2. Các hoạt động được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ bao gồm:
 - a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
 - b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư; và
 - c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).
3. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty quản lý quỹ và các bên cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này.

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp
Tổ chức được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền
 - a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ này; và
 - b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền
 - a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:
 - (i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
 - (ii) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
 - (iii) Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - (iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
 - b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
 - (i) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
 - (ii) Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư; thành viên lập quỹ, chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;
 - (iii) Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; thành viên lập quỹ;
 - (iv) Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - (v) Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
 - (vi) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ.
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 46. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải đánh giá và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối phải đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Xây dựng các quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.

8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ;
 - d) Theo đề nghị của đại hội nhà đầu tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của đại hội nhà đầu tư;
 - g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất công việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 48. Điều kiện lựa chọn thành viên lập quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng thành viên lập quỹ với công ty quản lý quỹ.
2. Trong thời hạn 12 tháng gần nhất trước thời điểm công ty quản lý quỹ nộp hồ sơ đăng ký thành lập quỹ cho UBCKNN, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%). Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
3. Luôn đảm bảo được số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ đã ký với công ty quản lý quỹ.
4. Đáp ứng các điều kiện khác quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ.

Điều 49. Quyền và trách nhiệm của thành viên lập quỹ

1. Quyền của thành viên lập quỹ:

- a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật hiện hành.
- b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với quỹ, thông qua công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ lấy các lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.
- c) Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ; hoặc vay các lô chứng chỉ quỹ để hoán đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay các chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ này phải được thực hiện trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán và theo hướng dẫn của vsdc.
- d) Được thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ, chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của thành viên lập quỹ

- a) Nhận lệnh giao dịch hoán đổi (trực tiếp từ nhà đầu tư hoặc gián tiếp thông qua đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch hoán đổi của từng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, VSDC, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán.
- b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính thành viên lập quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ, thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ, không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư.
- c) Bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật.
- d) Quản lý tách biệt tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản của từng nhà đầu tư, độc lập với tài sản của thành viên lập quỹ. Không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của nhà đầu tư.
- e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về chứng chỉ quỹ đã chào bán; tổng kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ.
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, tổ

chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này.

- g) Trường hợp thành viên lập quỹ đồng thời là đại lý phân phối, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.
- h) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng lập quỹ với công ty quản lý quỹ.

Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường

- 1. Là thành viên lập quỹ được công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường cho quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.
- 2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán chứng chỉ quỹ; có trách nhiệm mua, bán chứng chỉ quỹ theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 51. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

- 1. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối:
 - a) Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ;
 - b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật;
 - c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhập thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
- 2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Quỹ. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về việc phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng. Báo cáo đánh giá cơ sở vật

chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 52. Hoạt động của đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới thành viên lập quỹ và vsdc một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư; đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở đăng ký nhà đầu tư, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về chứng chỉ quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ.
5. Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư.
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 53. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác, cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ hoán đổi danh mục khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên không gian mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.
8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của công ty quản lý quỹ.
9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:
 - a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ đảm bảo an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
 - c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
 - d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhân biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
 - e) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
 - f) Tuân thủ hoạt động phân phối theo quy định của pháp luật liên quan;
 - g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.
 - h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.
12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

1. Hằng năm công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của quỹ.

2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ tài chính cấp;
 - b) Được UBCKNN cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho quỹ; và
 - d) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 55. Năm tài chính

1. Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của quỹ sẽ được tính từ ngày quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 57. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ để các nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 58. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của quỹ.

CHƯƠNG XII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 59. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ hàng ngày theo nguyên tắc được quy định tại Điều 61 Điều lệ này và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối soát, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.
5. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{\left(\frac{NAV}{CU}\right)^i}{(NAV/CU)^{i-1}} \right] - \ln \left(\frac{\text{Chỉ số tham chiếu } i}{\text{Chỉ số tham chiếu } i-1} \right)$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

n là số tuần trong 06 tháng kể từ tuần thứ i trở về trước ($n=26$).

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới 06 tháng, n là số tuần, kể từ tuần Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

6. Trường hợp mức sai lệch nêu trên vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn 24 giờ ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt

quá, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa.

Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp báo giá:
 - a) Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá thành lập và hoạt động phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam;
 - b) Có hệ thống báo giá cổ phiếu và trái phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
 - c) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
2. Công ty quản lý quỹ đề xuất tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá để trình Ban đại diện quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho quỹ.
3. Tổ chức cung cấp báo giá được thay đổi theo một trong các trường hợp sau:
 - a) Hết thời hạn hợp đồng giữa tổ chức cung cấp báo giá và công ty quản lý quỹ;
 - b) Công ty quản lý quỹ đơn phương chấm dứt hợp đồng do tổ chức cung cấp báo giá vi phạm nghĩa vụ hợp đồng;
 - c) Tổ chức cung cấp báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền rút hoặc đình chỉ giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
 - d) Tổ chức cung cấp báo giá đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng;
 - e) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.
4. Việc thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Ban đại diện quỹ quyết định. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho ngân hàng giám sát ngay khi có bất kỳ sự thay đổi về tổ chức cung cấp báo giá.

Điều 61. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Ngày định giá

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà vào ngày đó Sở giao dịch chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp có sự thay đổi về ngày định giá, công ty quản lý quỹ sẽ xin ý kiến Ban đại diện quỹ và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

- a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị

hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và được làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá.

- b) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
- (i) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - (ii) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, có thể áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
- c) Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Quy trình xác định giá trị tài sản ròng của quỹ
- a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát được ủy quyền xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ hàng ngày theo nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b) Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
 - c) Ngay sau khi được ngân hàng giám sát xác nhận, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.
 - d) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

- e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
- f) Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu được công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.
4. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ
- a) Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, quy định nội bộ tại sở tay định giá hoặc được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản.
- b) Giá trị tài sản được xác định theo phương pháp sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
6	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường (*), là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. <p><i>Ghi chú:</i></p> <p>(*) Giá trái phiếu (giá sạch) có biến động bất thường là giá thị trường có biến động tăng hoặc giảm lớn hơn 1% so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.</p> <p>- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
7	Trái phiếu không niêm yết	<p>- Giá yết bình quân (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu chuyển từ chưa niêm yết thành niêm yết, dẫn tới chênh lệch giá trước niêm yết với giá ngày giao dịch đầu tiên quá lớn	<p>- Giá sạch theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trên sàn. Trường hợp có biến động lớn (đối với trái phiếu doanh nghiệp là 3%, trái phiếu chính phủ là 2%), lấy theo giá mua.</p> <p>- Phần chênh lệch đưa vào lãi/lỗ do đánh giá lại.</p>
Cổ phiếu		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá của kỳ giao dịch gần nhất (không quá 30 ngày); - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá (trong vòng 30 ngày). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 30 ngày tính đến ngày định giá, lấy giá trị thấp nhất giữa giá mua và giá tại kỳ định giá gần nhất trước ngày định giá. - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		ưu tiên sau: + Giá đóng cửa trước khi ngừng giao dịch; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
17	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
18	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	Sở giao dịch chứng khoán	thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được VSDC cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
20	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
21	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
22	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền.
23	Quyền mua trái phiếu chuyển đổi	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
24	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- (i) Tổng tài sản nợ, có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
 - (ii) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
 - (iii) Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - (iv) Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
 - (v) Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters, Bloomberg, VNBF...) để tham khảo.
 - (vi) Ngày được hiểu là ngày dương lịch.
- c) Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh
- (i) Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
 - (ii) Khi tính giá trị cam kết, PHFM được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ rỗng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ rỗng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ² .

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên một điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

1. Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).
2. Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
3. Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

CHƯƠNG XIII. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 62. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

- a) Cổ tức;
- b) Lãi trái phiếu;
- c) Lãi tiền gửi;
- d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- e) Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 63. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.
 - b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
 - c) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.
 - d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.
5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

Điều 64. Các giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ
 - a) Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF PHFM VNSHINE. Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF PHFM VNSHINE là 0,75% NAV/năm (không bao gồm giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ).
 - b) Số tiền Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký
 - a) Giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát được trả cho ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản quỹ và giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ

lưu ký, giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Giá dịch vụ lưu ký là: 0,05% NAV/năm

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng

- Giá dịch vụ giám sát là: 0,02% NAV/năm

Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 đồng/tháng

- b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- c) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- b) Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính như sau:

- Giá dịch vụ quản trị quỹ là: 0,03% NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- d) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

- b) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là: 10.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của tháng.

5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- a) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch chứng khoán quản lý và vận hành chỉ số VNINDEX.
- b) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được tính theo tỷ lệ quy định tại bảng dưới đây:

Tiền dịch vụ tối thiểu/năm	Tiền dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)			
	(VND)	Dưới 500 tỉ đồng	Từ 500 đến dưới 1000 tỉ đồng	Từ 1000 đến dưới 2000 tỉ đồng
240.000.000	0,080	0,065	0,055	0,040

Kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng ký giữa công ty quản lý quỹ và Sở giao dịch chứng khoán cho đến ngày liền kề trước ngày giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán, giá dịch vụ được tính theo tỷ lệ dựa trên mức giá dịch vụ tối thiểu.

Kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán của Quỹ ETF, giá dịch vụ được tính theo mức giá dịch vụ cơ bản.

- c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- d) Mức giá áp dụng, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.
- e) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)
- a) Giá dịch vụ tính iNAV là: 0,05% NAV/năm, tính cộng dồn trên Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu 50.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

- b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Công thức tính Giá dịch vụ tính iNAV vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính iNAV cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính iNAV (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
- d) Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ.

7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- d) Chi phí trả cho thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường theo các hợp đồng đã ký;
- e) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- f) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- g) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- h) Thù lao cho Ban đại diện quỹ,
- i) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
- j) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- k) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- l) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
- m) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 65. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:

- a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
- b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;

- c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chi số tham chiếu;
 - d) Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ (iNAV, TE,...);
 - e) Chi phí trả cho Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường;
 - f) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - g) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
 - h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
 - i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

CHƯƠNG XIV. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 66. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 67. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- d) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng;
- e) Quỹ hủy niêm yết;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

5. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

- a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;
- b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
- c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
- e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

6. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

- a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.
7. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều này.
 8. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
 - a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.
 - b) Các khoản phải trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, Quỹ không phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ, phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu VSDC, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư.
 9. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát (nếu có) và Công ty quản lý quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
 10. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư Giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.
 11. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.
 12. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi có văn bản chấp thuận việc giải thể Quỹ của UBCKNN, Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký Chứng chỉ quỹ.

CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích

1. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ, kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác;
 - c) Tuân thủ các quy định khác tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 69. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư (nếu có yêu cầu).
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao nhận trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của quỹ theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Quỹ.

Điều 71. Đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 71 Điều và 03 Phụ lục, đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua và có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE.
2. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người đại diện hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.
3. Điều lệ quỹ được lập thành 04 (bốn) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
 - 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - 02 (hai) bản lưu tại văn phòng Công ty quản lý quỹ;
 - 01 (một) bản lưu tại văn phòng Ngân hàng giám sát.
4. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục theo quy định của pháp luật.

Các phụ lục đính kèm:

Phụ lục 1: Cam kết của công ty quản lý quỹ.

Phụ lục 2: Cam kết của ngân hàng giám sát.

Phụ lục 3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG



ÊU, HUI-HUNG

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HUNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 và các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm.

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF PHFM VNSHINE:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh

hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG



LƯU HUI-HUNG

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
PHÚ HƯNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu



LƯU, HUI-HUNG

Tổng Giám đốc